SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TTYT KHU VỰC HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 505 /QĐ-TTYT

P. Tân Hòa, ngày 19 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA BÌNH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ: Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BYT ngày 06/03/2026 của Bộ Y tế hợp nhất các Nghị định của Chính phủ ban hành về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-TT-BYT ngày 10/7/2026 của Bộ Y tế hợp nhất các Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 04/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3631/QĐ-SYT ngày 25/9/2026 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đơn giá và gói thầu khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân năm 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3810/QĐ-SYT ngày 14/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham gia

thực hiện các gói thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2026 theo hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-SYT ngày 16/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc tổ chức khám sức khỏe, giám định sức khỏe cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân và khám sơ tuyển sức khỏe tuyển sinh quân sự trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2027;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật ngày 02/11/2026 về việc thống nhất danh mục, số lượng yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật mua sắm bổ sung hóa chất xét nhiệm, vật tư y tế, sinh phẩm;

Căn cứ Biên bản xét báo giá số 30/BB-TĐT ngày 18/11/2026 của Tổ Đấu thầu Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-TTYT ngày 18/11/2026 của của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình về việc Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí gói thầu: Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình;

Căn cứ tờ trình số 413 /TTr-TĐT ngày 19/11/2026 của Tổ Đấu thầu về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Đấu thầu; Khoa Dược - Vật tư, TBYT; Phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế toán, Kế toán trưởng và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để T.hiện);
- Ban Giám đốc;
- TCKT; KD;
- Hệ thống đấu thầu điện tử;
- Lưu: VT, TĐT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA BÌNH

Trương Như Hiển

PHỤ LỤC

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình

(Kèm theo Quyết định số 505 /QĐ-TTYT, ngày 19 / 11 /2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình	Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình	Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình	839.342.000	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác năm từ 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình	Chào giá trực tuyến rút gọn	1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
			Phần 1. Hóa chất dùng cho máy huyết học Celltac Alpha 6510	214.200.000								
			Phần 2. Hóa chất, vật tư dùng cho máy sinh hóa AU480	395.912.000								
			Phần 3. Sinh phẩm và Vật tư y tế	229.230.000								
	Tổng cộng giá trị gói thầu: : 839.342.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng)											

DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU:
Mua sắm bổ sung hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Bình
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT, ngày / /2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình)

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền
I. Hóa chất dùng cho máy huyết học Celltac Alpha 6510													
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Isotonac 3 / MEK-640	Can	46	T436D	Isotonac 3 / MEK-640	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE, có CFS G7	18L/ Can	3.150.000	144.900.000
2	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hemolynac 3N / MEK-680	Hộp	8	T498	Hemolynac 3N / MEK-680	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE, có CFS G7	500ml/ Can	3.000.000	24.000.000
3	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Cleanac / MEK-520	Can	3	T438	Cleanac / MEK-520	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE, có CFS G7	5L/ Can	4.000.000	12.000.000

4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Cleanac 3 / MEK-620	Can	2	T438D	Cleanac 3 / MEK-620	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng nhạt Mùi: khó chịu Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit 1.3% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE, có CFS G7	5L/ Can	4.650.000	9.300.000
5	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	MEK-3DN	Lọ	6	MEK-3DN	MEK-3DN	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Research and Diagnostic Systems, Inc. (R&D Systems, Inc.)	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	2 mL/ Lọ	2.000.000	12.000.000
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	MEK-3DH	Lọ	6	MEK-3DH	MEK-3DH	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Research and Diagnostic Systems, Inc. (R&D Systems, Inc.)	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	2 mL/ Lọ	2.000.000	12.000.000
II. Hóa chất, vật tư dùng cho máy sinh hóa AU480													

7	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Urea	UREA UV SL	Hộp	1	UREA UV SL/UR SL-0507	VitalScientific	2025 trở về sau	Pháp	VitalScientific	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml + Std: 1x5ml	13.696.000	13.696.000
8	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Creatinine	CREATININE JAFFE	Hộp	21	CREATININE JAFFE /CRCO-0600	VitalScientific	2025 trở về sau	Pháp	VitalScientific	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 µmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Disodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)	R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml	4.396.000	92.316.000
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	AST/GOT 4+1 SL	Hộp	9	AST/GOT 4+1 SL/ASSL-0510	VitalScientific	2025 trở về sau	Pháp	VitalScientific	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml	11.000.000	99.000.000

10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	ALT/GPT 4+1SL	Hộp	10	ALT/GPT 4+1SL/ ALSL-0510	VitalScientific	2025 trở về sau	Pháp	VitalScientific	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml	9.500.000	95.000.000
11	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Glucose	GLUCOSE PAP SL	Hộp	8	GLUCOSE PAP SL/GPSL-0507	VitalScientific	2025 trở về sau	Pháp	VitalScientific	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; dải đo: 20-400 mg/dL (1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	7.425.000	59.400.000
12	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	CD 80 Detergent	Can	10	CD 80 Detergent/105-000107-00	Mindray	2025 trở về sau	Trung Quốc	Mindray	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	2 L/can	3.650.000	36.500.000
III. Sinh Phẩm và Vật tư y tế													
13	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số [Mission® Urinalysis Reagent Strips (10 parameters)]	Test	22.000	U031-101	Mission	2026 trở về sau	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	100 Test/Hộp	3.000	66.000.000

14	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg [Trueline™ HBsAg Rapid Test]	Test	1.000	IHBsg-301	ACON	2026 trở về sau	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori. Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 µmol/L Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút.	50 Test/Hộp	8.300	8.300.000
15	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV [ACON® HCV Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)]	Test	1.000	L031-10321	ACON	2026 trở về sau	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Các kháng nguyên tái tổ hợp được mã hóa bởi các gen cho cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và không cấu trúc. Que thử chứa hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp bao gồm NS3, NS4, NS5, CORE và kháng nguyên HCV bao gồm NS3, NS4, NS5 và CORE được phủ trên màng - Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 2 0.073 µg. Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 1 0.31 µg. Vạch chứng(C): Kháng thể dê kháng chuột IgG 0.41 µg Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Độ chính xác tương quan: 99.5% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D	50 Test/Hộp	8.300	8.300.000

16	Test nhanh chẩn đoán HIV	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV 1/2/O [ACON® HIV 1/2/O Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)]	Test	1.000	L031-10121	ACON	2026 trở về sau	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Que thử xét nghiệm sử dụng để định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O. - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 0,408ug, HIV-2 0,272ug, HIV-O 0,138ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thỏ IgG 0,340ug Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100%% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,0% - Độ chính xác tương quan: 99,3% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D	50 Test/Hộp	15.000	15.000.000
17	Khay thử ma tuý 5 chân	Panel thử xét nghiệm định tính Ketamine, Ecstasy, Methamphetamine, Morphine và Marijuana [Biocheck™ Multi-Drug Rapid Test Panel (KET/MDMA/MET/MOP/THC)]	Test	700	MI04160203D2	Biocheck	2026 trở về sau	Việt Nam	Medicon	Rapid Test Panel(KET/MDMA/MET/MOP/THC) Hoạt chất chính: Kháng thế kháng KET, kháng thế kháng MDMA, kháng thế kháng MET, kháng thể Kháng MOP, kháng thế kháng THC, cộng hợp kháng nguyên KET-BSA, cộng hợp kháng nguyên MDMA-BSA, cộng hợp kháng nguyên MET-BSA, cộng hợp kháng nguyên MOP-BSA, cộng hợp kháng nguyên THC-BSA. 1, KET: Ngưỡng phát hiện (cut off) 1000 ng/ml 2, MDMA: Ngưỡng phát hiện (cut off) 500 ng/ml 3, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 4, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 5, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%	50 Test/Hộp	35.000	24.500.000
18	Anti A (IgM)	Anti A (IgM)	Lọ	10	810001	Spectrum	2026 trở về sau	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E) - Spectrum Diagnostics	Thuốc thử Anti-A được sử dụng để phát hiện nhóm máu A trong mẫu máu người. Hiệu giá ≥ 1:256. Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ 10ml	105.000	1.050.000

19	Anti AB (IgM)	Anti AB (IgM)	Lọ	10	816001	Spectrum	2026 trở về sau	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E) - Spectrum Diagnostics	Thuốc thử Anti-AB được sử dụng để phát hiện nhóm máu AB trong mẫu máu người. Hiệu giá ≥ 1:256. Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ 10ml	105.000	1.050.000
20	Anti B (IgM)	Anti B (IgM)	Lọ	10	814001	Spectrum	2026 trở về sau	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E) - Spectrum Diagnostics	Thuốc thử Anti-B được sử dụng để phát hiện nhóm máu B trong mẫu máu người. Hiệu giá ≥ 1:256.Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ 10ml	105.000	1.050.000
21	Anti D (IgM+IgG)	Anti D (IgM+IgG)	Lọ	10	822001	Spectrum	2026 trở về sau	Ai Cập	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E) - Spectrum Diagnostics	Thuốc thử Anti-D (Rho) được sử dụng để phát hiện type Rho (D) trong mẫu máu người. Hiệu giá ≥ 1:128.Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ 10ml	168.000	1.680.000
22	Ống nhựa có nắp có nhãn 10ml	Ống nghiệm nhựa PS có nắp, APM-Việt Nam (16x100mm)	Ống	22.000	PSN-10	APM	2026 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 16x100mm, nắp trắng, mới 100%	250 cái/túi	1.600	35.200.000
23	Ống Heparin	Ống nghiệm lấy máu Heparin MPV, nắp nhựa	Ống	22.000	ON-09: MPV	MPV	2026 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na_+, K_+, Cl_+…trừ Li_+), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu.Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Khay 100 ống (Kiện 2400 ống)	1.100	24.200.000

24	Ống EDTA	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	Ống	22.000	ON-04: MPV	MPV	2026 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Khay 100 ống (Kiện 2400 ống)	1.100	24.200.000
25	Bơm 5ml	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	Cái	22.000	BTK5: MPV	MPV	2026 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Hộp 100 cái x 12h/ kiện	850	18.700.000
Tổng cộng: Tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng *Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành và các chi phí khác (nếu có)*													**839.342.000**